TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị V**, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị V có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/01/1998. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn, suốt ngày say rượu rồi đánh đập chị. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn của anh chị trở nên căng thẳng, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn sống; vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Khi vợ chồng mâu thuẫn, gia đình, đoàn thể địa phương đã góp ý, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có 03 con chung là Trần Thị Kiều O, sinh ngày 25/7/1998; Trần Thị Bình M, sinh ngày 08/6/2000 và Trần Kiều A, sinh ngày 01/11/2006. Hiện nay cả 03 con chung đều đang ở với chị, tuy nhiên con Kiều O và con Bình M đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi con Trần Kiều A, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con Kiều A cho chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; nợ chung của vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn anh Trần Văn T trình bày như sau***: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị V trình bày. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V ngoại tình với người đàn ông khác, anh đã tha thứ cho chị V nhưng chị V không thay đổi. Năm 2012 chị V bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh thì anh đồng ý ly hôn với chị V. Về con chung: Anh và chị V có 03 con chung như chị V trình bày. Hiện nay con Kiều O và con Bình M đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, nguyện vọng của anh xin được nuôi con Trần Kiều A, anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con Kiều A.

Về tài sản chung: Anh và chị V không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

* Cháu Trần Kiều A, sinh ngày 01/11/2006 có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

**** Quá trình xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã T và cơ sở thôn B, xã T, huyện V trình bày***: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống giữa chị V và anh T đúng như anh chị đã trình bày. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến

năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị V đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở cùng thôn sống. Mâu thuẫn của anh chị đã được cơ sở thôn và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Về con chung, chị V và anh T có 03 con chung và 02 con đã trưởng thành như anh T, chị V trình bày. Còn cháu K từ trước đến nay đều ở với chị V, do chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Điều kiện nuôi con của chị V tốt hơn anh T.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị V: Xử cho chị V được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giao con Kiều A cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, chị Phạm Thị V khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, xin nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Văn T cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh chị thiếu sự tin tưởng, quan tâm lẫn nhau, anh T không chịu tu trí làm ăn. Chị V đã về nhà bố mẹ đẻ chị sống từ năm 2010 đến nay. Khi mâu thuẫn của anh chị xảy ra, gia đình hai bên đã cùng cơ sở thôn và các đoàn thể ở địa phương đã hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Chị V và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên anh chị đều nhất trí ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị V được ly hôn anh T.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T 03 con chung là Trần Thị Kiều O, sinh ngày 25/7/1998; Trần Thị Bình M, sinh ngày 08/6/2000 và Trần Kiều A, sinh ngày 01/11/2006. Hiện nay con Kiều O và con Bình M đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Ly hôn, chị V và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con Kiều Anh. Xét thấy từ khi anh chị sống ly thân, con Kiều A ở với chị V, do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Kiều A cũng muốn được ở với mẹ, điều kiện nuôi con của chị V tốt hơn. Vì vậy cần giao con Trần Kiều Anh cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc chị V không yêu cầu anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con Kiều Anh cho chị.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Trần Văn T.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Kiều A, sinh ngày 01/11/2006 cho chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị V và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003528 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị V đã nộp đủ án ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/10/2019. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 06/1998 ngày 21/01/1998);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương